

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 07/08/11/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Vy Thị Dung	21/03/1969	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	7,0	Đạt	
2	CNTT02	Lô Xuân Đài	16/02/1966	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,0	Đạt	
3	CNTT03	Nguyễn Thị Ngọc Hải	29/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	
4	CNTT04	Nông Hồng Hải	28/02/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
5	CNTT05	Lộc Bách Hạnh	18/05/1975	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt	
6	CNTT06	Lộc Thị Thu Hằng	13/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,5	Đạt	
7	CNTT07	Trần Thị Thúy Hằng	01/06/1982	Thái Nguyên	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	
8	CNTT08	Hoàng Thị Huệ	20/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,0	Đạt	
9	CNTT09	Ngô Thị Tuyết Mai	04/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt	
10	CNTT10	Chu Thị Minh	21/01/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	8,0	Đạt	
11	CNTT11	Vi Ni Na	25/10/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt	
12	CNTT12	Chu Thị Nguyệt	05/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	8,0	Đạt	
13	CNTT13	Linh Thị Nín	18/03/1975	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
14	CNTT14	Hoàng Thị Phụng	29/08/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
15	CNTT15	Hoàng Thị Lệ Quyên	12/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
16	CNTT16	Hoàng Thị Mai Sao	10/10/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	
17	CNTT17	Tàng Thị Thảo	17/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
18	CNTT18	Hoàng Văn Trình	05/09/2001	Lạng Sơn	Nam	Sán chỉ	7,0	7,0	Đạt	
19	CNTT19	Phan Thị Tươi	02/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,5	Đạt	
20	CNTT20	Nguyễn Thị Vân	29/06/1968	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt	
21	CNTT21	Nông Văn Vinh	29/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
22	CNTT22	Đinh Thị Vân Anh	19/03/2001	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	
23	CNTT23	Nông Thị Thùy Anh	10/04/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,0	Đạt	
24	CNTT24	Triệu Đức Dũng	05/06/1983	Thái Nguyên	Nam	Nùng	8,5	8,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
25	CNTT25	Nguyễn Tiến	Đạt	20/11/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	Đạt	
26	CNTT26	Nguyễn Văn	Hậu	17/07/1972	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
27	CNTT27	Lương Thị	Hiền	26/07/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,5	Đạt	
28	CNTT28	Vi Diệu	Hoa	25/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,5	8,0	Đạt	
29	CNTT29	Nguyễn Thị	Huyền	20/08/1973	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,2	8,0	Đạt	
30	CNTT30	Đinh Thị Thúy	Hường	28/11/2003	Hưng Yên	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
31	CNTT31	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	10/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,5	8,0	Đạt	
32	CNTT32	Vương Thị Mai	Loan	18/11/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt	
33	CNTT33	Nông Thị	Lượng	04/04/1997	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
34	CNTT34	Lương Đức	Minh	05/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Hoa	7,0	7,0	Đạt	
35	CNTT35	La Minh	Nguyệt	25/05/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
36	CNTT36	Trịnh Nguyễn Mai	Nguyệt	14/03/1986	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt	
37	CNTT37	Vũ Thị	Nhàn	18/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
38	CNTT38	Trần Thị	Oanh	24/09/1974	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,5	8,0	Đạt	
39	CNTT39	Nguyễn Thị	Son	02/05/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	
40	CNTT40	Đỗ Thị Kim	Thảo	09/07/1977	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
41	CNTT41	Ngô Thu	Trang	07/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
42	CNTT42	Nguyễn Thị	Tuân	23/09/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
43	CNTT43	Võ Thị	Út	10/02/1968	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
44	CNTT44	Hoàng Thị	Xuân	09/02/1991	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,5	7,0	Đạt	
45	CNTT45	Triệu Thị	Xuân	06/01/1987	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,2	7,0	Đạt	
46	CNTT46	Bùi Thị Kim	Anh	22/02/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
47	CNTT47	Tạ Thị Lan	Anh	11/09/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
48	CNTT48	Nguyễn Thị Lê	Ánh	11/03/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
49	CNTT49	Nguyễn Thị	Chinh	05/09/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
50	CNTT50	Lê Thị	Dinh	07/06/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt	
51	CNTT51	Ngọc Thị	Dung	18/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt	
52	CNTT52	Dương Thị	Duyên	13/03/1990	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
53	CNTT53	Hồ Thị	Duyên	02/08/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	8,0	Đạt	
54	CNTT54	Nguyễn Thị	Duyên	28/10/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt	
55	CNTT55	Nguyễn Văn	Đồng	02/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
56	CNTT56	Hoàng Thị Ngọc	Hà	05/06/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
57	CNTT57	Thân Văn	Hải	14/08/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
58	CNTT58	Bùi Thị	Hạnh	12/07/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
59	CNTT59	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
60	CNTT60	Nguyễn Thị Việt	Hằng	02/06/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt	
61	CNTT61	Trần Thị Út	Hằng	23/05/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
62	CNTT62	Nguyễn Thị	Hòa	25/06/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
63	CNTT63	Hoàng Hải	Hoàn	20/05/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
64	CNTT64	Trần Quốc	Hoàng	21/10/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
65	CNTT65	Nguyễn Thị	Huệ	29/12/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
66	CNTT66	Nguyễn Thị	Huyền	10/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
67	CNTT67	Nguyễn Thị	Hương	30/10/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt	
68	CNTT68	Phạm Thu	Hương	19/08/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	9,0	9,0	Đạt	
69	CNTT69	Đỗ Quang	Khải	31/05/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	8,0	Đạt	
70	CNTT70	Nguyễn Thị	Linh	07/06/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt	
71	CNTT71	Lê Văn	Lũy	04/09/1976	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	8,0	Đạt	
72	CNTT72	Trần Thị Lưu	Ly	20/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
73	CNTT73	Trương Thị	Minh	05/12/1986	Bắc Giang	Nữ	Hoa	7,5	8,0	Đạt	
74	CNTT74	Chu Thị	Mơ	01/01/1990	Bắc Giang	Nữ	Sán dầu	7,0	7,5	Đạt	
75	CNTT75	Trần Thị	Năm	15/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
76	CNTT76	Nguyễn Thị Thanh	Nga	03/07/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,5	Đạt	
77	CNTT77	Nguyễn Thị	Nguyệt	20/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
78	CNTT78	Chu Thị	Nhàn	02/05/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
79	CNTT79	Nguyễn Thị	Niên	21/02/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
80	CNTT80	Nguyễn Thị	Phương	02/09/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
81	CNTT81	Lương Thị	Quyên	08/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt	
82	CNTT82	Trần Văn	Quyết	14/12/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,0	Đạt	
83	CNTT83	Nguyễn Thị	Sáu	14/01/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
84	CNTT84	Đào Thị	Tâm	01/09/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
85	CNTT85	Nguyễn Văn	Thái	08/02/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
86	CNTT86	Lương Thị	Thêm	20/06/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
87	CNTT87	Trương Thị	Thu	14/04/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
88	CNTT88	Lê Thị	Thủy	09/08/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
89	CNTT89	Vi Thị	Thư	01/11/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
90	CNTT90	Lục Thị Kiều	Trinh	03/10/1997	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
91	CNTT91	Dương Thị	Yên	11/10/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
92	CNTT92	Giáp Thị	Yên	07/10/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
93	CNTT93	Dương Thị Phương	Anh	19/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
94	CNTT94	Lê Văn	Chiến	03/09/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	7,0	Đạt	
95	CNTT95	Mai Việt	Cương	30/05/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,0	Đạt	
96	CNTT96	Dương Thị Thùy	Dung	02/06/1994	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,2	7,5	Đạt	
97	CNTT97	Thân Thùy	Dung	07/09/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	8,0	Đạt	
98	CNTT98	Nguyễn Việt	Dũng	01/05/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	8,0	Đạt	
99	CNTT99	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	15/11/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,5	Đạt	
100	CNTT100	Nguyễn Hữu	Hoàng	17/10/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	6,5	Đạt	
101	CNTT101	Nguyễn Văn	Huân	20/12/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	8,0	Đạt	
102	CNTT102	Nguyễn Thị	Hường	08/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
103	CNTT103	Chu Thị Phương	Lan	30/04/1981	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
104	CNTT104	Hán Thị	Nga	13/07/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
105	CNTT105	Lưu Thị Thủy	Nguyên	18/06/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
106	CNTT106	Đỗ Văn	Phương	02/09/1971	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
107	CNTT107	Giáp Ngọc	Quý	15/02/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt	
108	CNTT108	Nguyễn Thu	Quyên	16/05/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
109	CNTT109	Phạm Hữu	Tân	06/11/1997	Hải Phòng	Nam	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
110	CNTT110	Nguyễn Thu	Thảo	02/02/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt	
111	CNTT111	Nguyễn Đức	Thắng	04/01/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	-	-	-	Vắng thi
112	CNTT112	Đoàn Thu	Thủy	21/03/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
113	CNTT113	Đàm Thị	Thư	30/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
114	CNTT114	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/07/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt	
115	CNTT115	Hoàng Thanh	Tùng	15/02/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	7,0	Đạt	
116	CNTT116	Tô Văn	Bộ	09/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,5	Đạt	
117	CNTT117	Trần Văn	Chiên	05/04/1991	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt	
118	CNTT118	Hoàng Thị	Chính	13/11/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,5	Đạt	
119	CNTT119	Hoàng Thị	Dim	02/11/1974	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt	
120	CNTT120	Nông Hằng	Dung	22/07/1971	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt	
121	CNTT121	Hà Thị	Đô	20/07/1977	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,5	Đạt	
122	CNTT122	Lộc Minh	Đức	22/12/1996	Lạng Sơn	Nam	Sán diu	7,5	7,0	Đạt	
123	CNTT123	Hoàng Thị	Hạnh	01/01/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
124	CNTT124	Hoàng Thúy	Hạnh	08/07/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	Đạt	
125	CNTT125	Sầm Thị	Hạnh	25/07/1971	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	
126	CNTT126	Đinh Thị	Hoa	29/01/1987	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt	
127	CNTT127	Giáp Văn	Khang	11/03/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,5	Đạt	
128	CNTT128	Hoàng Thị	Lan	18/05/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	8,0	Đạt	
129	CNTT129	Hoàng Thị	Lâu	10/10/1974	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	
130	CNTT130	Bê Nhật	Lệ	29/06/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt	
131	CNTT131	Đàm Thị	Liên	06/07/1993	Lạng Sơn	Nữ	Sán chỉ	-	-	-	Vắng thi
132	CNTT132	Mã Trường	Linh	29/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,0	Đạt	
133	CNTT133	Lộc Thị	Loan	02/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
134	CNTT134	Hoàng Văn	Lộc	09/10/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Vắng thi
135	CNTT135	Hoàng Văn	Mạnh	03/10/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	Đạt	
136	CNTT136	Hoàng Thị	Mên	19/08/1995	Lạng Sơn	Nữ	Tày	-	-	-	Vắng thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
137	CNTT137	Triệu Tài	Quý	05/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	7,0	7,0	Đạt	
138	CNTT138	Lê Văn	Sơn	02/06/1975	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt	
139	CNTT139	Nguyễn Văn	Thọ	06/03/1967	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	6,5	Đạt	
140	CNTT140	Nông Thị	Tình	21/12/1973	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
141	CNTT141	Lã Thanh	Tú	05/11/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	6,5	Đạt	
142	CNTT142	Nguyễn Thị	Tươi	31/03/1978	Thái Bình	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt	
143	CNTT143	Bê Hải	Vân	17/01/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt	
144	CNTT144	Hoàng Thị	Vân	24/09/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	6,5	Đạt	
145	CNTT145	Nông Thị Yên	Vinh	18/09/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	5,5	Đạt	
146	CNTT146	Vi Thị	Vui	12/07/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	
147	CNTT147	Lành Văn	Báo	23/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,5	Đạt	
148	CNTT148	Lộc Văn	Bằng	04/09/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,5	Đạt	
149	CNTT149	Hoàng Bích	Diệp	15/03/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt	
150	CNTT150	Tăng Thị Hồng	Diệp	20/12/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt	
151	CNTT151	Nguyễn Văn	Dũng	27/05/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt	
152	CNTT152	Nguyễn Anh	Duy	23/11/1998	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt	
153	CNTT153	Đoàn Thị	Đạo	24/12/1969	Cao Bằng	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt	
154	CNTT154	Dương Thị	Đàm	14/07/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	Đạt	
155	CNTT155	Hoàng Hương	Giang	08/02/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt	
156	CNTT156	Tô Hồng	Hậu	09/02/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	6,5	Đạt	
157	CNTT157	Hoàng Thị	Hương	18/06/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	
158	CNTT158	Phạm Thị	Hương	24/04/1989	Hải Phòng	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt	
159	CNTT159	Vi Hồng	Khiêm	26/12/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,0	Đạt	
160	CNTT160	Lành Văn	Kiểm	10/01/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,0	Đạt	
161	CNTT161	Lý Thị	Lâm	04/04/1988	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7,0	7,0	Đạt	
162	CNTT162	Nông Thị	Loan	30/11/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt	
163	CNTT163	Đinh Thị	Nga	28/01/1975	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
164	CNTT164	Vy Thị	Ngoan	15/06/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
165	CNTT165	Âu Thị Bích	Ngọc	18/10/1994	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt	
166	CNTT166	Nguyễn Thị	Nhài	01/04/1988	Thái Bình	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt	
167	CNTT167	Dương Thị Hải	Ninh	11/05/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt	
168	CNTT168	Chu Thị	Nơi	20/08/1969	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt	
169	CNTT169	Nông Kim	Oanh	20/07/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	
170	CNTT170	Nguyễn Văn	Định	23/05/1986	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,2	7,5	Đạt	
171	CNTT171	Triệu Tiến	Phú	12/03/1987	Lạng Sơn	Nam	Dao	7,5	6,5	Đạt	
172	CNTT172	Hoàng Thị	Quyên	06/07/1979	Thái Nguyên	Nữ	Tày	7,2	7,0	Đạt	
173	CNTT173	Bàng Văn	Sân	28/05/1985	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,0	Đạt	
174	CNTT174	Nguy Văn	Sơn	25/11/1970	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,5	Đạt	
175	CNTT175	Nông Văn	Sơn	26/07/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,5	Đạt	
176	CNTT176	Lại Văn	Sung	29/05/1993	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	Đạt	
177	CNTT177	Nông Thị Phương	Thảo	01/01/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	6,5	Đạt	
178	CNTT178	Phạm Thị	Thị	10/09/1986	Thanh Hóa	Nữ	Mường	7,5	6,5	Đạt	
179	CNTT179	Lường Văn	Thọ	25/06/1980	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,5	Đạt	
180	CNTT180	Lê Thị	Thu	25/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,5	Đạt	
181	CNTT181	Nông Thị	Thúy	03/12/1974	Lộc Bình	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
182	CNTT182	Tô Thị	Thư	16/08/1972	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	6,0	Đạt	
183	CNTT183	La Văn	Thương	18/06/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	5,5	Đạt	
184	CNTT184	Hoàng Thị	Tình	12/11/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,5	Đạt	
185	CNTT185	Lý Thị	Tình	25/08/1971	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt	
186	CNTT186	Hà Thị Thu	Tới	07/07/1980	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt	
187	CNTT187	Lý Văn	Tới	11/10/1988	Lạng Sơn	Nam	Sán Chỉ	7,5	6,5	Đạt	
188	CNTT188	Lường Thu	Trang	06/11/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	8,0	Đạt	
189	CNTT189	Vi Văn	Tuân	18/01/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,0	Đạt	
190	CNTT190	Dương Thị	Vân	10/09/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	8,0	Đạt	
191	CNTT191	Lý Thị	Vui	15/10/1992	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	7,5	6,5	Đạt	
192	CNTT192	Lường Văn	Vững	24/11/1983	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
193	CNTT193	Lộc Thị	Xuân	07/09/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt	
194	CNTT194	Vương Quỳnh	Chi	25/09/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,0	Đạt	
195	CNTT195	Hoàng Thị	Lý	19/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt	
196	CNTT196	Lành Thị Quỳnh	Nga	02/09/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt	
197	CNTT197	Tạ Thị	Nguyên	18/04/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
198	CNTT198	Nguyễn Đình	Nhâm	06/10/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt	
199	CNTT199	Hoàng Thị	Thắm	22/03/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,5	Đạt	
200	CNTT200	Nông Công	Trọng	27/05/1984	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,0	Đạt	
201	CNTT201	Trần Thị Hải	Yến	05/03/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	8,0	Đạt	
202	CNTT202	Hoàng Xuân	Cường	27/02/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	7,5	Đạt	
203	CNTT203	Nông Bích	Hiền	12/09/1976	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt	
204	CNTT204	Lăng Văn	Hiền	19/09/1977	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt	
205	CNTT205	Lâm Bích	Hợp	22/12/1985	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt	
206	CNTT206	Trịnh Thị Hồng	Nhung	13/07/1987	Ninh Bình	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
207	CNTT207	Hoàng Đức	Thuận	08/10/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,0	Đạt	
208	CNTT208	Nông Thị	Vui	14/07/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,0	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 208

Số thí sinh vắng thi: 14

Số thí sinh dự thi: 194

Số thí sinh đạt yêu cầu: 194

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 12 tháng 11 năm 2020

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

ThS. Nguyễn Ngọc Quang